

Bản số: 36/2018/HNGS-ST  
Ngày 05-9-2018  
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình*"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

\* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

\* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Xuân Hải

2. Ông Trần Anh Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

**- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/8/2018 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (có mặt)

*Nơi ĐKKTT:* Thôn Núi T, xã Ngọc T, huyện T, tỉnh B;

*Hiện trú tại:* Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh B;

\* *Bị đơn:* Anh Phạm Văn K, sinh năm 1984 (có mặt)

*Nơi cư trú:* Thôn Núi T, xã Ngọc T, huyện T, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 01/02/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh K kết hôn năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T. Sau khi kết hôn, chị và anh K về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ vào tháng 3 năm 2016, sau đó vợ chồng chị lại quay về với nhau nhưng không cải thiện được gì, vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên chị tiếp tục bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay, hai bên

không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Bích N sinh ngày 19/3/2013 và Phạm Văn C, sinh ngày 10/6/2014, hiện nay cả hai con đều đang ở với anh K. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung là Phạm Thị Bích N, để anh K nuôi con chung là Phạm Văn C, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh K. Chị đang làm ở Công ty TNHH Luxshare-ICT Việt Nam lương thu nhập hàng tháng trên 6.000.000 đồng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết.

\* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2018 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Phạm Văn K trình bày:

Anh và chị H kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc T. Sau khi kết hôn, anh và chị H về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ, sau đó chị H lại quay về đến tháng 8 năm 2017 lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý, muốn chị H quay về vì con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 19/3/2013 và Phạm Văn C, sinh ngày 10/6/2014, hiện nay cả hai con đều đang ở với anh. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh nhận nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/01con/tháng kể từ tháng 9 năm 2018 đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh K giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn chị H vì anh xác định vẫn còn tình cảm, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh nhận nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/01con/tháng kể từ tháng 9 năm 2018 đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Hiện anh đang làm ở Việt Yên về xây dựng thu nhập một tháng trên 9.000.000 đồng nhưng anh không nộp được tài liệu xác nhận thu nhập trên. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị H, bị đơn anh K chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh K.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 19/3/2013. Anh Phạm Văn K tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Văn C, sinh ngày 10/6/2014. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn, chị H và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H, anh K thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Do chị H và anh K đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

\* Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị H và anh K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh K xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh K sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống giữa chị H và anh K xảy ra bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra xô xát và chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng chị H và anh K đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2017, không còn quan tâm gì đến nhau. Anh K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn, mặt khác Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh K cũng không đến để Tòa án hòa giải. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh K đều xác nhận có 02 con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 19/3/2013 và Phạm Văn C, sinh ngày 10/6/2014. Hiện nay cả hai con đều đang ở với anh K tại thôn Núi Tán, xã Ngọc Thiện. Chị H hiện đang làm công nhân Công ty TNHH Luxshare-ICT Việt Nam, thu nhập ổn định trên 6.000.000đồng/tháng. Về phía anh K tuy không cung cấp được chứng cứ thể hiện quyền nuôi con của mình như công việc, bảng lương, thu nhập nhưng qua xác minh tại địa phương và tại phiên tòa hôm nay thì anh K hiện làm thợ xây ở Việt Yên, thu nhập bình quân trên 9.000.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy cả chị H và anh K đều có nguyện vọng nuôi con chung và đều có khả năng, điều kiện nuôi con, nhưng xét theo nguyện vọng của chị H và để đảm bảo sự phát triển của con thì nên giao con lớn là Phạm Thị Bích N cho chị H nuôi dưỡng, giao con nhỏ là Phạm Văn C cho anh K nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các cháu và xét thấy các bên đều có thu nhập nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Việc giao con như trên là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H và anh K thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn K.

[2] Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 19/3/2013. Anh Phạm Văn K tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Văn C, sinh ngày 10/6/2014. Chị H và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị H và anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H, anh K thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H và anh K tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0001999 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**